TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 19-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ẩn
Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Trần Thị Hoa - Cán bộ hưu trí
2.Ông Trần Trực - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thành Luân - Kiểm sát viên.

Từ ngày 18 đến ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/HS-ST ngày 04 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hồ Cao Đ (tên gọi khác: Năm C) - sinh năm 1995 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 150/10/4 đường 2/4, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Cao L (sinh năm 1970) và bà Bùi Thị Th (sinh năm 1972); gia đình có hai anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án: - Ngày 25/6/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng" (bản án số 10/2014/HSST), chấp hành xong ngày 11/7/2015. - Ngày 25/5/2016, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" (bản án số 198/2016/HSST), chấp hành xong ngày 27/4/2017; tiền sự: Không; nhân thân: - Ngày 17/10/2011, Ủy ban nhân dân thành phố N áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng (Quyết định số 8416/QĐ-CT-UBND), chấp hành xong ngày 18/7/2013. - Ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 261/2018/HSST); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2018, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện D; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Trần L (tên gọi khác: Long K) - sinh năm 1991 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 17/1 Tăng Bạt Hổ, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hoà; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Trần Thị T (sinh năm 1953); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con nhỏ nhất; tiền án: Ngày 06/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản (bản án số 295/2016/HSST), chấp hành xong ngày 18/6/2017; tiền sự: Không; nhân thân: - Ngày 18/06/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục, thời hạn 24 tháng. (Quyết định số 1469/QĐ-CT-UBND), chấp hành xong ngày 19/6/2014. - Ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 261/2018/HSST); - Ngày 23/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 12/2019/HSST), tổng hợp hình phạt với bản án 261/2018/HSST bị cáo chấp hành hình phạt chung là 02 năm 09 tháng tù; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Văn K(tên gọi khác: L) - sinh năm 1995 tại Khánh Hòa; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Tân Xương 2, xã S, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê VănH (sinh năm 1972) và bà Trần Thị Kim C (sinh năm 1972); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: - Ngày 06/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (bản án số 261/2018/HSST); bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam A2; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Đức N, sinh năm 1960 (đã chết vào ngày 09/12/2018 - Giấy chứng tử số 190 ngày 12/12/2018).

Đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Trọng Xuân V - sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đông Môn 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt không có lý do.

- Ông Nguyễn Trọng Hoàng Â- sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố Phan Bội Châu 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn Trung Lương 1, xã A, huyện T, tỉnh P. Ông Th vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Trung Ch, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn Trung Lương 1, xã A, huyện T, tỉnh P; ông Ch vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 17/5/2018, Hồ Cao Đ và Nguyễn Trần L đang điều khiển xe mô tô BKS 79N -190.57 (xe trộm cắp được tại khu vực phường T, thành phố N) đi tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến đường 23 tháng 10 thuộc xã D, huyện D thì bị lực lượng Công an xã D tuần tra, bắt giữ. Quá trình điều tra chứng minh Hồ Cao Đ và Nguyễn Trần L còn thực hiện hai vụ trộm cắp trên địa bàn huyện D, cụ thể:

Vụ thứ 1: Khoảng 22 giờ ngày 21/4/2018, Đ đi xe thồ từ thành phố N đến ngã tư Thành, huyện D tìm xe mô tô để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 22/4/2018, phát hiện trước cửa hàng điện thoại di động Viễn thông A, thuộc tổ dân phố Phan Bội Châu 2, thị trấn d, có xe mô tô BKS:79D1 - 365.80 của ông Nguyễn Đức n (sinh năm 1960, trú tại Phan Bội châu 1, thị trấn D) không có người trông coi nên Đ đã trộm cắp và điều khiển xe về thành phố N và tiếp tục điều khiển xe mô tô BKS 79D1-365.80 theo hướng quốc lộ 1A đến khu vực xã S, huyện C bán cho Lê Văn K với giá 2.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 12 giờ ngày 12/5/2018, Hồ Cao Đ và Nguyễn Trần L đi bộ trên đường Võ Nguyên Giáp hướng huyện D, khi đến thôn Võ Kiện, xã D phát hiện xe mô tô BKS: 78H1 -177.25 của anh Nguyễn Trung Th (sinh năm 1989, trú tại thôn Trung Lương, xã A huyện T, tỉnh P) đang để trên vỉa hè, không có người trông coi. Đ và L dùng đoản phá khóa và trộm xe, L điều khiển xe chở Đ về thành phố N. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ và L điều khiển xe mô tô 78H1-177.25 trộm cắp được đến khu vực xã S, huyện C bán cho Lê Văn K với giá 1.700.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Lê Văn K biết rõ 02 xe mô tô trên là do Hồ Cao Đ, Nguyễn Trần L trộm cắp mà có nhưng vẫn mua nhằm mục đích bán lại để kiếm lời. Sau khi mua xe mô tô 79D -365.80, Lê Văn K đã bán lại cho một người tên H không xác định nhân thân lai lịch với giá 2.700.000 đồng và bán xe mô tô 78H1- 177.25 cho một người tên T không xác định được nhân thân lai lịch với giá 2.300.000 đồng. Ngày 22/6/2018, K tìm gặp được người tên T chuộc lại xe mô tô 78H1-177.25 và giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện D.

Bản kết luận định giá về tài sản số 26 ngày 11/6/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện D xác định xe mô tô BKS 78H1 - 177.25 có giá trị là 10.500.000 đồng. Bản kết luận định giá về tài sản số 27 ngày 11/6/2018 của Hội

đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện D xác định xe mô tô BKS 79D1 - 365.80 có giá trị là 13.875.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Hồ Cao Đ, Nguyễn Trần L, Lê Văn K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Lê Văn K tự nguyện sữa chữa, khắc phục hậu quả.

Về tang vật: Xe mô tô BKS 78H1-177.25 đã trả lại cho ông Nguyễn Trung Ch là chủ sở hữu. Ông Ch không yêu cầu bồi thường thiệt hại; ông Nguyễn Đức N yêu cầu bồi thường xe 79D1-365.80 đã mất là 21.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 63/CT-VKSDK ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D truy tố bị cáo Hồ Cao Đ về tội " Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173; truy tố bị cáo Nguyễn Trần L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 và bị cáo Lê Văn K về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Hồ Cao Đ, xử phạt bị cáo từ 2 năm đến 3 năm tù và tổng hợp với 3 năm tù của bản án số 261/2018/HSST của tòa án nhân dân thành phố N. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trần L từ 12 đến 18 tháng tù và tổng hợp 02 năm 09 tháng tù tại bản án số 12/2019/HSST của Tòa án nhân dân thành phố N . Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù và tổng hợp hình phạt 01 năm tù tại bản án 261/2018/HSST của tòa án nhân dân thành phố N. Buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung trừ đi thời gian đã tạm giam và thời gian đã chấp hành án.

Về vật chứng: Không có nên không giải quyết. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Hồ Cao Đ, bị cáo Lê Văn K và ông Nguyễn Trọng Hoàng Âbồi thường cho ông Â 13.875.000đ giá trị xe mô tô 79D1-365.80. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp của người bị hại thống nhất với nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D; về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hồ Cao Đ, bị cáo Lê Văn K và ông Nguyễn Trọng Hoàng Â thỏa thuận bị cáo Đ, bị cáo Kcó trách nhiệm liên đới bồi thường xe mô tô 79D1-365.80 cho ông Ân số tiền là 13.875.000đ vào ngày 30/6/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều Tra Viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vuh liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai tại hồ sơ, căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ căn cứ để xác định: Khoảng 22 giờ ngày 21/4/2018, Đ đi xe thồ từ thành phố N đến ngã tư thành, huyện D tìm xe mô tô để trộm cắp. Đến khoảng 00 giờ 10 phút ngày 22/4/2018, phát hiện trước cửa hàng điện thoại di động Viễn thông A, thuộc tổ dân phố Phan Bội Châu 2, thị trấn D, có xe mô tô BKS: 79D1 - 365.80 của ông Nguyễn Đức N (sinh năm 1960, trú tại Phan Bội Châu 1, thị trấn D) không có người trông coi nên Đ đã trộm xe và bán cho Lê Văn K với giá 2.000.000 đồng. Tiếp đến: Khoảng 12 giờ ngày 12/5/2018, Hồ Cao Đ và Nguyễn Trần L đi bộ trên đường Võ Nguyên Giáp hướng huyện D, khi đến thôn Võ Kiện, xã D dùng đoản phá khóa trộm cắp xe mô tô BKS :78H1 -177.25 của anh Nguyễn Trung Th (sinh năm 1989, trú tại thôn Trung Lương, xã A, huyện T, tỉnh P) đang ngủ trên vỉa hè, không có người trông coi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Đ và L điều khiển xe mô tô 78H1 - 177.25 đến khu vực xã S, huyện C bán cho Lê Văn K với giá 1.700.000 đồng chia nhau tiêu xài.

Lê Văn K biết rõ 02 xe mô tô trên là do Hồ Cao Đ, Nguyễn Trần L trộm cắp mà có nhưng vẫn mua nhằm mục đích bán lại để kiếm lời. Sau khi mua xe mô tô 79D1 - 365.80, Lê Văn K đã bán lại cho một người tên H không xác định nhân thân lai lịch với giá 2.700.000đ và bán xe mô tô 78H1 - 177.25 cho một người tên T không xác định được nhân thân lai lịch với giá 2.300.000đồng.

Giá trị xe mô tô BKS 78H1 - 177.25 định giá là 10.500.000 đồng. Giá trị xe mô tô BKS 79D1 - 365.80 định giá là 13.875.000 đồng.Tổng giá trị hai xe mô tô là 24.375.000 đồng.

Với các lời khai thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, cho thấy bản cáo trạng số 63/CT-VKSDK ngày 28/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D là có căn cứ, đúng pháp luật, đủ cơ sở để kết luận bị cáo Hồ Cao Đ đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 173; bị cáo Nguyễn Trần L đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn K đã phạm tội "

Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Hồ Cao Đ: Ngày 25/6/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 12 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", chấp hành xong ngày 11/7/2015. Ngày 25/5/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 27/4/2017. Bị cáo đã có tiền án chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản người khác liên tục, nhiều lần trong một khoản thời gian ngắn ở những địa bàn khác nhau. Cụ thể: Tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, bị cáo đã liên tiếp thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2018. Cũng trong thời gian này, tại huyện D, bị cáo lại tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác. Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" tại bản án số 261/2018/HSST. Hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố với tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm theo bản cáo trạng số 63/CT-VKSDK ngày 28/11/2018 là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy ngoài tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm, thì căn cứ vào tiền án, căn cứ vào bản án số 261/2018/HSST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N và hành vi chiếm đoạt tài sản trong vụ án này thì bị cáo đã 06 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, mỗi lần chiếm đoạt đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập hợp pháp, thực hiện việc trộm cắp tài sản để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân, nên căn cứ vào Nghị quyết số 01/2006/HĐTP-TATC ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, thì hành vi phạm tội của bị cáo Đ phải áp dụng tình tiết " Tái phạm nguy hiểm" và tình tiết "Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" để xét xử đối với bị cáo theo quy định tại điểm b và điểm g khoản 2 Điều 173 là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.Tuy nhiên bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù tại bản án số 261/2018/HSST. Buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung nhưng trừ đi thời gian bị cáo đã tạm giam.

- Đối với bị cáo Nguyễn Trần L: Bị cáo cũng có nhân thân không tốt, đã có tiền án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích nhưng trong một khoảng thời gian ngắn, đã cùng với bị cáo Hồ Cao Đ thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố N và huyện D. Bị cáo đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại thành phố N, đã bị Tòa án nhân dân thành phố N tuyên phạt 02 năm 09 tháng tù theo bản án số 12/2019/HSST ngày 23/01/2019. Bị cáo lại tiếp tục thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản tại huyện D vào ngày 12/5/2018. Do vậy hành vi của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác nên cần xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên xem xét áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Tổng hợp hình phạt 02 năm 09 tháng tù tại bản án số 12/2019/HSST ngày 23/01/2019 đối với bị cáo. Buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung nhưng trừ đi thời gian bị cáo đã tạm giam và đã thi hành án.

- Đối với bị cáo Lê Văn K: Bị cáo đã thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản mà biết rõ là do người khác phạm tội mà có. Tài sản bị cáo tiêu thụ hai lần có tổng giá trị là 24.375.000 đồng. Trong cùng một khoảng thời gian ngắn, bị cáo đã nhiều lần mua tài sản do bị cáo Đ và bị cáo L trộm cắp được tại Thành phố N và huyện D. Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt bị cáo 01 năm tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo. Nên áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo cũng đã ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, nên xem xét áp dụng điểm b, s khoản 1 điều 51cho bị cáo. Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại bản án số 261/2018/HSST. Buộc bị cáo Kiệt phải chấp hành hình phạt chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo Đ, bị cáo K và ông Nguyễn Trọng Hoàng Â (người đại diện hợp pháp của người bị hại) có mặt đã thỏa thuận số tiền bồi thường thiệt hại xe mô tô 79D1-365.80 là 13.875.000đ nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Không thu giữ vật chứng nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo Hồ Cao Đ, bị cáo Nguyễn Trần L, bị cáo Lê Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và bị cáo Đ, bị cáo K phải nộp 694.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hồ Cao Đ;

- Khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trần L;

- Khoản 1 Điều 323; điểm b,s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn K;

- Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 01/2006/HĐTP-TATC ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Cao Đ 03 (ba) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản"; tổng hợp mức án 03 (ba) năm tù của bản án số 261/2018/HSST ngày 06/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06(sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 04/10/2018. Thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/5/2018 đến ngày 15/8/2018 của bản án 261/2018/HSST được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trần L 01(một) năm tù về tội " Trộm cắp tài sản".Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù tại bản án số 12/2019/HSST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 09(chín) tháng tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/10/2018 (ngày bị cáo bị tạm giam của bản án số 12/2019/HSST); thời hạn tạm giữ từ ngày 18/5/2018 đến ngày 25/5/2018 của bản án 261/2018/HSST của Tòa án nhân dân thành phố N được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 01 năm tù về tội " Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù tại bản án số 261/2018/HSST của Tòa án nhân dân thành phố N. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án (ngày 21/01/2019).

2.Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hồ Cao Đ, bị cáo Lê Văn K liên đới bồi thường 13.875.000đ cho ông Nguyễn Trọng Hoàng Â (người đại diện hợp pháp của người bị hại).

3. Về án phí: Bị cáo Hồ Cao Đ, Nguyễn Trần L, Lê Văn K phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Hồ Cao Đ, Lê Văn K mỗi bị cáo phải chịu 347.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại; người địa diện hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Bùi Thị Ẩn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ HOA TRẦN TRỰC BÙI THỊ ẨN